TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN P** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 700 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Trần Thị Lan – *Kiểm sát viên*.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1268/2022/TLST- HNGĐ ngày 16/12/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 514/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 652/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D – sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Đường D, phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Như Q (Luật sư) - Công ty luật TNHH C, thuộc đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đặng Lưu Thị Bích T – sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường T, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Đức D và bà Võ Thị Như Q là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D cùng trình bày:

Ông D và bà Đặng Lưu Thị Bích T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006. Đến năm 2019, hai bên có tổ chức lễ cưới. Năm 2020 ông D và bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận B và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 194/2020 ngày 30/12/2020. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với gia đình ông D tại địa chỉ đường D, phường X, quận B. Vợ chồng chung sống với nhau khoảng vài tháng, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, cãi vã dẫn đến thiếu kiềm chế, hai bên có xảy ra xô xát. Bản thân bà T sống không hòa thuận với gia đình bên chồng. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách cứu vãn, hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Ông và bà T đã từng nộp đơn ly hôn tại tòa nhưng sau đó rút đơn để hai bên hàn gắn tình cảm gia đình. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cách đây khoảng 01 năm bà T dẫn 02 con ra ngoài sống riêng. Nay ông nhận thấy đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/12/2006 và trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/10/2021. Khi ly hôn, ông D đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D đóng góp cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 10.000.000đồng/tháng/02trẻ (Tức là 5.000.000đồng/tháng/01 trẻ), thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông D khai không có

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Đặng Lưu Thị Bích T nhưng bà T vẫn vắng mặt. Bà T không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn ông Nguyễn Đức D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Đặng Lưu Thị Bích T. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng ông D, bà T chung sống với nhau và có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại ông D thừa nhận vợ chồng không sống chung nhà nên thiếu sự quan tâm, chia sẽ và chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện bà T không mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của ông D và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Ông D đồng ý giao hai con chung là trẻ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/12/2006 và trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/10/2021 cho

bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D đóng góp cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/ tháng/02 trẻ (Tức là 5.000.000đồng/tháng/01 trẻ). Ông D xác nhận hiện các con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với lời khai của trẻ T có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do bà T hiện đang cư ngụ tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đặng Lưu Thị Bích T nhưng bà T vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn bà Đặng Lưu Thị Bích T không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ. Bà T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn ông D để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 194/2020 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2020 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức D và bà Đặng Lưu Thị Bích T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Ông D nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của ông D và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng ông D, bà T chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Hiện ông D, bà T không sống chung nhà, mỗi người tự lo đời sống của mình không quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông

D, bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, bà T không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện bà T chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Ông D, bà T không sống chung nhà, vợ chồng không quan tâm, chia sẽ gì với nhau, thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của ông D và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, ông D yêu cầu giao hai con chung là trẻ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/12/2006 và trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/10/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D đóng góp cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 10.000.000đồng/tháng/02 trẻ (Tức là 2.500.000đồng/tháng/01 trẻ). Thi hành cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T không đến Tòa án để trình bày lời khai nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của bà đối với con chung. Tuy nhiên việc xem xét giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Mặt khác, trẻ T, trẻ K hiện đang sinh sống cùng bà T, trẻ T có nguyện vọng được ở với mẹ, trẻ K sinh ngày 30/10/2021 (dưới 36 tháng tuổi). Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của ông D và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thực hiện việc cấp dưỡng ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu bà T có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: 600.000đồng (300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con) ông D chịu, được trừ vào số tiền ông D đã tạm nộp án phí. Ông D phải nộp thêm số tiền là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức D được ly hôn với bà Đặng Lưu Thị Bích T . Quan hệ hôn nhân giữa ông D, bà T theo Giấy chứng nhận kết hôn số194/2020 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

cấp ngày 30/12/2020, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là trẻ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/12/2006 và trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/10/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/ tháng/02 trẻ (tức là 5.000.000đồng/tháng/01 trẻ). Thi hành cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông D hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông D chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D khai không có .

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 600.000đồng (Trong đó 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con) ông Nguyễn Đức D chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà ông D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0036874 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận P. Ông D còn phải nộp thêm số tiền 300.000đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Q.P ;
- Chi cục THA DS Q.P ;
-UBND P X, Q.B
TP Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Hương